

Số: 29/2026/QĐST-DS

Cà Mau, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2026/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Tuyết N, sinh ngày 15/07/1961. Căn cước công dân số 095161001768, cấp ngày 02/7/2021. Địa chỉ: Ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trịnh Tuyết N - Là chủ hộ kinh doanh Tuyết N là ông Cao Văn T, sinh ngày 17/8/1958. Căn cước công dân số 095058003360, cấp ngày 02/7/2021. Địa chỉ: Ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau. Theo giấy ủy quyền ngày 18/3/2026.

- *Bị đơn:* Ông Tô Văn L, sinh ngày 01/01/1966. Căn cước số 095066006056, cấp ngày 24/12/2025 và bà Phạm Kim L1, sinh ngày 01/01/1974. Cùng địa chỉ: Ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Cao Văn T, sinh ngày 17/8/1958. Căn cước công dân số 095058003360, cấp ngày 02/7/2021. Địa chỉ: Ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến hết ngày 20 tháng 3 năm 2026, ông Tô Văn L và bà Phạm Kim L1 còn nợ bà Trịnh Tuyết N và ông Cao Văn T tổng số tiền mua phân bón và thuốc trừ sâu là 233.300.000 đồng (Hai trăm ba mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng).

2.2. Ông Tô Văn L và bà Phạm Kim L1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trịnh Tuyết N và ông Cao Văn T tổng số tiền mua phân bón và thuốc trừ sâu là 233.300.000 đồng (Hai trăm ba mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng).

2.3. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 11.665.000 đồng (Mười một triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), do hòa giải thành được giảm 50% là 5.832.500 đồng (Năm triệu tám trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng). Bà Trịnh Tuyết N với ông Tô Văn L và bà Phạm Kim L1 thống nhất mỗi bên phải chịu 50% án phí hòa giải thành là 2.916.250 đồng (Hai triệu chín trăm mười sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng). Bà Trịnh Tuyết N phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 2.916.250 đồng (Hai triệu chín trăm mười sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng). Ông Tô Văn L và bà Phạm Kim L1 phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 2.916.250 đồng (Hai triệu chín trăm mười sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Do bà Trịnh Tuyết N thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên bà Trịnh Tuyết N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 2.916.250 đồng (Hai triệu chín trăm mười sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7-Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7-Cà Mau;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Hồng Chi